

INTRODUCING YOURSELF

Tell me a little about yourself?

Could you introduce yourself?

I/Structure

1. Say hello
2. Name
3. Age
4. Where you live, your hometown
5. Study/Job
6. Hobbies
7. Personalities

II/Model sentences

1.How to say hello

- Hello/Hi
- Good morning/afternoon/evening
- Nice to meet you/Great to meet you/Pleased to meet you/Happy to meet you

2.Name

- My name is ...
- I am ...
- You can call me ...

3.Age

- I'm 20
- I'm 20 years old

4.Hometown

- I'm from.../ I come from...
- I was born in...
- My hometown is...

5.Study/Job

- If you are a student:
I'm a student at (Danang university of science and technology). My major is (Electronics).

- If not:

I'm ... / I work as ...

I am a student

I am a teacher

I work as a civil engineer

I work for ...

I work for LeeRit

I work for a law firm
I work for a non-profit organization

I work in/at...

I work in a bank
I work in a shoe factory
I work at a supermarket

6.Hobbies

- I am interested in ...
- I have a passion for ...
- My hobby is / My hobbies are ...
- I like/love/enjoy ...

I'm interested in learning English. (Tôi hứng thú với việc học tiếng Anh.)
I have a passion for travelling and exploring. (Tôi có đam mê du lịch và khám phá.)
My hobby is collecting stamps. (Sở thích của tôi là sưu tầm tem.)
My hobbies are reading and writing. (Sở thích của tôi là đọc và viết.)
I like reading novels. (Tôi thích đọc tiểu thuyết.)
I love swimming. (Tôi yêu thích bơi lội.)
I enjoy camping. (Tôi rất thích cắm trại.)

7.Personalities

- I'm a careful and hard-working person. I'm eager to learn new things and willing to work in team. I easily adapt to with new working environment and take initiative in work. (Tôi là người cẩn thận và chăm chỉ. Tôi ham học hỏi và thích làm việc với mọi người. Tôi dễ thích nghi với môi trường làm việc và chủ động trong công việc.)
- I'm friendly and kind to help other people. I like dealing with difficult problems and challenged issues. I'm rather serious in work and can work under high pressure. (Tôi là người thân thiện và thích giúp đỡ mọi người, Tôi thích giải quyết vấn đề khó và những công việc mang tính thử thách. Tôi khá nghiêm túc trong công việc và tôi có thể chịu đựng được áp lực cao.)

III/Model speeches

1. My name's Nguyen Thu Hoai. I'm 22 years old and I'm single. I have just graduated from university in August with the major in accounting. I got 3 months experience as an internship at A company. I like reading books and cooking. I'm a careful and hard-working person. I'm eager to learn new things and willing to work in team. I easily adapt to with new working environment and take initiative in work.
(Tôi tên là Nguyễn Thu Hoài. Tôi 22 tuổi và đang độc thân. Tôi vừa tốt nghiệp vào tháng 7, chuyên ngành của tôi là kế toán. Tôi có kinh nghiệm thực tập tại Công ty A trong 3 tháng. Tôi thích đọc sách và nấu ăn. Tôi là người cẩn thận và chăm chỉ. Tôi ham học hỏi và thích làm việc với mọi người. Tôi dễ thích nghi với môi trường làm việc mới và chủ động trong công việc.)

2. My name's Thu Ha. I got married and had one daughter, I'm living in Hoan Kiem District. I have 10 years experience in Marketing field and I'm a group leader of GMC company. I'm friendly and kind to help other people. I like dealing with difficult problems and challenged issues. I'm rather serious in work and can work under high pressure.
(Tôi tên là Thu Hà. Tôi đã kết hôn và có 1 con gái. Hiện tôi đang sống tại quận Hoàn Kiếm. Tôi có 10 năm kinh nghiệm về lĩnh vực marketing và đang là trưởng nhóm của công ty GMC. Tôi là người thân thiện và thích giúp đỡ mọi người, Tôi thích giải quyết vấn đề khó và những công việc mang tính thử thách. Tôi khá nghiêm túc trong công việc và tôi có thể chịu đựng được áp lực cao.)
3. I'm Mai Linh. I'm 28 years old and I'm single. I was born and grew up in Ha Noi, but I have been working in HCM City for 5 years. I graduated from Economic university and got 4 years experience in administration and human resource management. I'm active. I like work related to human beings. I'm rather serious and sensitive, I can quickly catch up psychology of other people. I often read newspapers and listen to music in my free time.
(Tôi tên là Mai Linh. Tôi 28 tuổi và đang độc thân. Tôi sinh ra và lớn lên ở Hà Nội nhưng công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh đã được 5 năm. Tôi tốt nghiệp đại học Kinh tế và có 4 năm kinh nghiệm làm hành chính nhân sự và 2 năm trong việc quản trị nhân lực. Tôi là người năng động, tôi yêu thích những công việc về con người. Tôi là người khá nguyên tắc và nhạy cảm, tôi có thể nắm bắt tâm lý của người khác rất nhanh. Lúc rảnh rỗi, tôi thường đọc báo và nghe nhạc.)

JOBS

1. Accountant: Kế toán
2. Actor: Nam diễn viên
3. Actress: Nữ diễn viên
4. Architect: Kiến trúc sư
5. Artist: Họa sĩ
6. Assembler: Công nhân lắp ráp
7. Astronomer: Nhà thiên văn học
8. Author: Nhà văn
9. Babysister: Người giữ trẻ hộ
10. Baker: Thợ làm bánh mì
11. Barber: Thợ hớt tóc
12. Bartender: Người pha rượu
13. Bricklayer: Thợ nề/ thợ hồ
14. Businessman: doanh nhân
15. Bus driver: Tài xế xe buýt
16. Butcher: Người bán thịt
17. Carpenter Thợ mộc
18. Cashier: Nhân viên thu ngân
19. Chef/ Cook: Đầu bếp
20. Delivery person Nhân viên giao hàng
21. Cleaner: Người dọn dẹp 1 khu vực hay một nơi (như ở văn phòng)
22. Computer software engineer: Kỹ sư phần mềm máy tính
23. Construction worker: Công nhân xây dựng
24. Custodian/ Janitor: Người quét dọn

25. Customer service representative: Người đại diện của dịch vụ hỗ trợ khách hàng
26. Dentist: Nha sĩ
27. Designer: Nhà thiết kế
28. Dockworker: Công nhân bốc xếp ở cảng
29. Doctor: Bác sĩ
30. Dustman/ Refuse collector: Người thu rác
31. Electrician: thợ điện
32. Engineer: Kỹ sư
33. Factory worker: Công nhân nhà máy
34. Farmer: Nông dân
35. Fireman/ Fire fighter: Lính cứu hỏa
36. Fisherman: Ngư dân
37. Flight Attendant: Tiếp viên hàng không
38. Gardener/ Landscaper: Người làm vườn
39. Garment worker: Công nhân may
40. Hairdresser: thợ làm tóc
41. Journalist/ Reporter: Phóng viên
42. Lawyer: Luật sư
43. Lecturer: Giảng viên đại học
44. Librarian: Thủ thư
45. Lifeguard: Nhân viên cứu hộ
46. Manager: Quản lý
47. Model: Người mẫu
48. Musician: Nhạc sĩ
49. Nurse: Y tá
50. Painter: thợ sơn
51. Pharmacist: Dược sĩ
52. Photographer: thợ chụp ảnh
53. Pilot: Phi công
54. Politician: Chính trị gia
55. Policeman/ Policewoman: Nam/ nữ cảnh sát
56. Receptionist: Nhân viên tiếp tân
57. Saleperson: Nhân viên bán hàng
58. Scientist: Nhà khoa học
59. Secretary: Thư ký
60. Security guard: Nhân viên bảo vệ

PERSONALITIES

aggressive: hung hăng; xông xáo

ambitious: có nhiều tham vọng

cautious: thận trọng, cẩn thận

careful: cẩn thận

cheerful/amusing: vui vẻ

clever: khéo léo

tacful: khéo xử, lịch thiệp

competitive: cạnh tranh, đua tranh

confident: tự tin
creative: sáng tạo
dependable: đáng tin cậy
dumb: không có tiếng nói
enthusiastic: hăng hái, nhiệt tình
easy-going: dễ tính
extroverted: hướng ngoại
faithful: chung thủy
introverted: hướng nội
generous: rộng lượng
gentle: nhẹ nhàng
humorous: hài hước
honest: trung thực
imaginative: giàu trí tưởng tượng
intelligent: thông minh(smart)
kind: tử tế
loyal: trung thành
observant: tinh ý
optimistic: lạc quan
patient: kiên nhẫn
pessimistic: bi quan
polite: lịch sự
outgoing: hướng ngoại, thân thiện (sociable, friendly)

STRENGTH, WEAKNESS, GOAL

1. What are your strengths?: Thế mạnh của bạn là gì?

Trả lời:

+ “I believe my strongest trait is my attention to detail. This trait has helped me tremendously in this field of work.”

“Tôi tin rằng điểm mạnh nhất của tôi là sự quan tâm của tôi đến từng chi tiết. Đặc trưng này đã giúp tôi rất nhiều trong lĩnh vực này.”

+ “I’ve always been a great team player. I’m good at keeping a team together and producing quality work in a team environment.”

“Tôi luôn là một đồng đội tuyệt vời. Tôi giỏi duy trì cho nhóm làm việc với nhau và đạt được chất lượng công việc trong một môi trường đồng đội.”

+ : “After having worked for a couple of years, I realized my strength is accomplishing a large amount of work within a short period of time. I get things done on time and my manager always appreciated it.”

“Sau khi làm việc một vài năm, tôi nhận ra thế mạnh của tôi là thực hiện một khối lượng lớn công việc trong một khoảng thời gian ngắn. Tôi hoàn thành mọi việc đúng thời hạn và quản lý của tôi luôn luôn đánh giá cao điều đó.”

2. “What are your weaknesses? : “Điểm yếu của bạn là gì?”

Trả lời:

+ “This might be bad, but in college I found that I procrastinated a lot. I realized this problem, and I’m working on it by finishing my work ahead of schedule.”

“Điều này có thể là xấu, nhưng ở đại học, tôi thấy rằng tôi thường hay chần chừ. Tôi đã nhận ra vấn đề này, và tôi đang cải thiện nó bằng cách hoàn thành công việc trước thời hạn.”

+ “I feel my weakness is not being detail oriented enough. I’m a person that wants to accomplish as much as possible. I realized this hurts the quality and I’m currently working on finding a balance between quantity and quality.”

“Tôi thấy điểm yếu của tôi là chưa có sự định hướng rõ ràng. Tôi là người muốn hoàn thành càng nhiều càng tốt. Tôi nhận ra điều này làm ảnh hưởng tới chất lượng và hiện tôi đang tìm cách cân bằng giữa số lượng và chất lượng.”

+ “I feel my English ability is my weakest trait. I know this is only a temporary problem. I’m definitely studying hard to communicate more effectively.”

“Tôi thấy khả năng tiếng Anh của tôi là điểm yếu nhất của tôi. Tôi biết đây chỉ là vấn đề tạm thời. Tôi chắc chắn sẽ học tập chăm chỉ để giao tiếp hiệu quả hơn.”

3. “What are your short term goals? : “Các mục tiêu ngắn hạn của bạn là gì?”

Trả lời:

+ “**My short term goal** is to find a position where I can use the knowledge and strengths that I have. I want to take part in the growth and success of the company I work for.”

“Mục tiêu ngắn hạn của tôi là tìm một vị trí mà tôi có thể sử dụng kiến thức và thế mạnh mà tôi có. Tôi muốn cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của công ty mà tôi làm việc cho.”

+ “**I’ve learned the basics of marketing** during my first two years. I want to take the next step by taking on challenging projects. My short term goal is to grow as a marketing analyst.”

“Tôi đã học được những điều cơ bản của việc tiếp thị trong hai năm đầu tiên. Tôi muốn thực hiện bước tiếp theo bằng cách tham gia vào những dự án đầy thách thức. Mục tiêu ngắn hạn của tôi là trở thành một nhà phân tích tiếp thị.”

+ “**As a program manager**, it’s important to understand all areas of the project. Although I have the technical abilities to be successful in my job, I want to learn different software applications that might help in work efficiency.”

“Là một người quản lý chương trình, điều quan trọng là phải hiểu mọi khía cạnh của dự án. Mặc dù tôi có những khả năng kỹ thuật để thành công trong công việc của tôi, nhưng tôi muốn tìm hiểu những ứng dụng phần mềm khác mà có thể giúp đỡ hiệu quả công việc.”

+ “**My goal is to always perform** at an exceptional level. But a short term goal I have set for

myself is to implement a process that increases work efficiency.”

“Mục tiêu của tôi là luôn hoàn thành ở mức độ nổi bật. Tuy nhiên, mục tiêu ngắn hạn mà tôi đã đặt ra cho bản thân tôi là thực hiện việc làm tăng hiệu quả công việc.”

4. “What are your long term goals?” : “Các mục tiêu dài hạn của bạn là gì?”

Trả lời:

+ “**I would like** to become a director or higher. This might be a little ambitious, but I know I’m smart, and I’m willing to work hard.”

“Tôi muốn trở thành một giám đốc hoặc cao hơn. Điều này có thể là hơi tham vọng, nhưng tôi biết tôi thông minh, và tôi sẵn sàng làm việc chăm chỉ.”

+ “**After a successful career**, I would love to write a book on office efficiency. I think working smart is important and I have many ideas. So after gaining more experience, I’m going to try to write a book.”

“Sau khi sự nghiệp thành công, tôi muốn viết một cuốn sách về hiệu quả làm việc văn phòng. Tôi nghĩ làm việc một cách thông minh là quan trọng và tôi có nhiều ý tưởng. Vì vậy, sau khi có được nhiều kinh nghiệm hơn, tôi sẽ thử viết một cuốn sách.”

+ “**I’ve always loved to teach**. I like to grow newer employees and help co-workers where ever I can. So in the future, I would love to be an instructor.”

“Tôi luôn yêu thích việc giảng dạy. Tôi muốn gia tăng những nhân viên mới hơn và giúp đỡ các đồng nghiệp ở bất kỳ nơi nào mà tôi có thể. Vì vậy, trong tương lai, tôi muốn trở thành một giảng viên.”

+ “I want to become a valued employee of a company. I want to make a difference and I’m willing to work hard to achieve this goal. I don’t want a regular career, I want a special career that I can be proud of.”

“Tôi muốn trở thành một nhân viên được quý trọng của một công ty. Tôi muốn tạo nên sự khác biệt và tôi sẵn sàng làm việc chăm chỉ để đạt được mục tiêu này. Tôi không muốn có một sự nghiệp bình thường, tôi muốn có một sự nghiệp đặc biệt mà tôi có thể tự hào.”

YOUR HOBBIES AND INTERESTS

I/Typical questions

1. What do you like to do in your spare time ?
2. How do you spend your holidays or weekends?
3. What is your favourite way or relaxation?

II/How to answer

In my spare time, I like to...

- | Catch up on gossip with my best friends: tán gẫu với bạn thân
- | Watch films with my boyfriend/girlfriend: xem phim cùng bạn trai/ bạn gái
- | Go window-shopping with my bestie: dạo phố với bạn thân
- | Play video games: chơi trò chơi điện tử
- | Go travelling around the country/world: du lịch khắp đất nước/thế giới
- | Sing karaoke with my classmates/colleagues: hát karaoke cùng bạn học/ đồng nghiệp
- | Play cards/ board games with my buddies: chơi bài/ cò cùng bạn bè
- | Do some exercise like hiking/jogging/swimming/doing yoga/playing badminton: vận động như chạy bộ đường trường/chạy bộ/boi lội/tập yoga/chơi cầu lông
- | Go on picnic with my family members: đi dã ngoại cùng các thành viên trong gia đình
- | Walk my dog or play Frisbee with it: dắt chó đi dạo hoặc chơi ném đĩa với nó

Simply because I can...

- | Relax myself/wind down/unwind/kick back (informal)/lie back/take a load off/ease my mind
Giải thích : Since I am a full-time student, I need to learn how to refresh and revitalise myself.
- | Release my pressure/put down my burden/ease my stress
Giải thích: Apparently, I have been pretty stressful about my examinations and my future so I need a way out
- | Keep fit/keep in good shape/keep a good figure/build my body/lose weight/live a well-balanced life
Giải thích: Since I used to be a nerdy man, you know, sitting in front of the computer all day long, I'd better live a healthier life by doing some sports.
- | Boost family concord/maintain bonds with friends and family members
Giải thích : you know, I am about to study overseas, and I'll probably be away from them for quite a while, so I like to cherish every possible chance to socialise with them.

YOUR HOME TOWN

I/Typical questions

1. Where are you from?
2. Is it a big city or small town?
3. What is the best thing of living in your hometown?
4. Is it suitable for young people to live in?

II/How to answer

1. Where are you from?
I live in.../ I'm from ... My home town is located in the northern/central/southern part of Vietnam.
2. Is it a big city or small town?
My home town is a ...
 - metropolis with millions of dwellers (thành phố lớn với hàng triệu cư dân)
 - medium city with well-developed facilities (thành phố quy mô vừa với tiện ích tiên tiến)
 - small city with a beautiful natural landscape (thành phố nhỏ với cảnh thiên nhiên tươi đẹp)
 - collection of villages with rich natural resources (khu làng giàu tài nguyên thiên nhiên)
3. What is the best thing of living in your home town?
 - My home town features seafood and stunning ocean views
(Điểm nổi bật của quê tôi là hải sản và cảnh biển tuyệt đẹp)
 - My home town has the worldwide reputation for ...
(Quê tôi nổi tiếng khắp thế giới về...)
 - The biggest feature of my city is ...
(Đặc trưng lớn nhất của quê tôi là...)
 - The most unique characteristic of my home town is ...
(Đặc trưng độc đáo nhất của quê tôi là...)
 - When it comes to my home town, ... will be the first thing that comes into people's mind.
(Khi nhắc đến quê tôi, mọi người sẽ nghĩ ngay đến...)
4. Is it suitable for young people to live in?
 - Suitable: Definitely yes, my home town is a perfect place for young people to live in because...
 - Unsuitable: No, I don't think so because ...
 - Facilities (Tiện ích)
Suitable: The facilities are well-developed, including gyms, schools, hospitals, public transport and even leisure facilities.
Unsuitable: The facilities are less developed and the resources are a bit limited.
 - Selection (Sự lựa chọn)
Suitable: Young people have all sorts of choices in my city, they can go shopping, watch film and so on.
Unsuitable: Life in my home town is a bit monotonous, young people have few entertainment options.

- Opportunity (Cơ hội)
Suitable: Opportunities in my city are various, from education to job-hunting, from making friends to watching a show.
Unsuitable: Young people can hardly find a good job in my home town.
- Life pace (nhịp sống)
Suitable: My home town is less competitive and stressful than big cities, so young people may live a comfortable and cosy life in such an environment.
Unsuitable: The living cost is quite high and people seldom have time to enjoy what they are supposed to.

TRAVELLING

I/Typical questions

1. Do you like travelling? (When, who, where, why)
2. Do you like to travel alone or with others?

II/How to answer

1. Do you like travelling?

- **When & who:** Normally, in my free time, I may travel to different places with my family or my best friends.
- **Where:** I have travelled to many places, including coastal cities like Phu Quoc island, minority gathering areas like Sa Pa and central highlands. I also went to Cambodia last summer vacation.
- **Why:** I like travelling since it definitely brings me many benefits
 - | broaden horizon (mở rộng tầm nhìn)
 - | unwind/relax/release pressure (thư giãn/ giải tỏa áp lực)
 - | escape from daily life routines (thoát khỏi sinh hoạt)
 - | boost family and friend bonding (thắt chặt quan hệ gia đình và bạn bè)
 - | experience new customs and visit sceneries (trải nghiệm phong tục và tham quan)
 - | meet personal needs like shopping, visiting friends or relatives (đáp ứng nhu cầu các nhân như mua sắm/ thăm bạn bè hoặc họ hàng)

Example:

Firstly, I can broaden my horizon because I can meet different people from different places, try different food, even learn different languages and cultures

Besides, travelling is the perfect chance for me to escape from daily life routines. You know, life is monotonous if you stay in one place all year long and through travelling, my life can be more wonderful.

2. Do you like to travel alone or with others?

- | **Point of view (quan điểm):** Well, normally I prefer travelling with others.
- | **Reason:** Because I may share many things such as accomodation (chỗ ở), transport (phương tiện) and even laughter (tiếng cười) with them during the trip.
- | **Assumption (giả định):** If I travel alone, I guess I will be lonely and I may be helpless (cần giúp đỡ) when there is a trouble (sự cố)
- | **Opposite aspect (mặt đối lập):** However, occasionally, I prefer travelling alone because it is more flexible (linh hoạt) and free.
- | **Conclusion (kết luận):** So, it depends on my mood (phụ thuộc cảm hứng), but mostly (hầu như), I prefer travelling in a group.

DRIVING

I/Typical questions

1. Do you have a driving licence?
2. Do you like to be a driver or a passenger?

II/How to answer

1. Do you have a driving licence?
Yes, I got my driving licence when I was ... years old. Currently, I'm thinking of buying a car (I'm considering buying a motorbike).
2. Do you like to be a driver or a passenger?
 - 1) **Point of view (quan điểm):** Well, normally I prefer to be a passenger
 - 1) **Reason:** Because it is less stressful (ít căng thẳng hơn). I don't need to focus on the traffic situation and I can spend time doing something like playing games on my phone (reading books, listening to music)
 - 1) **Assumption (giả định):** If I must drive, I may lose my way (lạc đường) or get stuck in a traffic jam (kẹt xe).
 - 1) **Opposite aspect (mặt đối lập):** However, occasionally, driving sometimes can bring me a lot of joy (niềm vui) and freedom (tự do). I can take a self-drive tour to nearby towns.
 - 1) **Conclusion (kết luận):** but mostly (hầu như), being a passenger is my preference (sự ưa chuộng)

MUSIC

Do you like music ?

Khẳng định : Definitely yes, everyone enjoys music, and I am no exception, I love...

Phủ định : Well, honestly speaking, music is really not my cup of tea simply because..

What – pop, techno (nhạc điện tử), hip hop , rock, classical, light music.

Where – normally, I like to listen to music from my earphones when I take a ride on public transport.

When – when I can't go sleep, I like to listen to some light music to calm myself down.

Who – My most favourite singers are Adele, James Blunt, and Avril Lavigne.

Why – I am fond of music mainly because it can cheer me up greatly when I feel down/low/blue/bored/tired/depressed (âm nhạc khiến tôi rất phấn khởi khi tôi thấy buồn/chán/mệt mỏi/thất vọng...).

Besides, I also believe that music is an indispensable part(một phần không thể thiếu) of culture and tradition, through which I may have a better understanding of different cultures around the world (tôi có thể hiểu biết hơn về các nền văn hóa khác nhau trên thế giới).

Tác dụng của âm nhạc

- | Purity my heart with melodious rhythms (light/gospel/classical)
- | Produce great chemical reaction in my mind (pop).
- | Wake me up when I feel drowsy in the morning (rock/punk)
- | Blow my mind with strong beats and rhythms (hip hop/R&B/ rap)
- | Promote my personal cultivation (classical/musical/opera/symphony)

MOVIES

Do you like watching films?

A – Speaking of films, yes, I am big fan of all types of films, such as...

What – comedy, action, romance, sci-fi, vampire, zombie, animation

Where – Normally, I enjoy watching films at cinemas, for it has a better atmosphere with better sound/visual affects.

When & who – When I am available during weekends, I like to see a film with my bestie/ girlfriend/ boy friend.

Why – I love watching films simply because I can/it can...

- | Cheer myself up/ amuse myself/ relax myself/ release my pressure (comedy)
Vui vẻ/ giải trí/ thư giãn/ giải tỏa áp lực.
- | Escape from my daily life and experience something that can hardly happen in real life
(Twilight – vampire + romance)
Thoát khỏi sinh hoạt thường nhật và trải nghiệm thứ không có trong đời thật
- | Have a blast and blow my mind 9 Mission impossible 4 – action)
Cuốn hút tâm trí tôi
- | Boost my imagination and please my eyes with visual effects (Avatar inception – sci-fi)
Tăng cường trí tưởng tượng và làm mãn nhãn vì hiệu ứng hình ảnh
- | Maintain my childhood interest (Kung fu Panda – animation)
Duy trì niềm vui tuổi thơ
- | Provoke thought towards humanity and life (The Shawshank Redemption, The Pursuit of Happyness – ethical)
Gợi ý suy tư về nhân sinh
- | Broaden my horizon and enrich my knowledge (Inside Job – documentary)
Mở rộng tầm nhìn và làm giàu kiến thức

SPORTS

Do you like doing sport?

A – absolutely yes, I am greatly fascinated by all sorts of sport, including...

What – badminton, billiards, jogging, hiking, cycling, skiing, swimming

Who & Where – Occasionally, I play basketball with my classmates/roommates on the basketball court/ in the stadium.

Why – I find sport beneficial in a variety of ways; for example, playing sport, I can...

- | Relax myself/ release my pressure/ release study burdens/ ease tiredness
Thư giãn/giải tỏa áp lực/giảm gánh nặng học hành/bớt mệt mỏi
- | Keeps fit/ keep in good shape/ lose weight/ built my body
Giữ sức khỏe/ giữ dáng/ giảm cân/ rèn luyện cơ thể
- | Strengthen teamwork spirit and improve co-operation skills
Tăng cường tinh thần đồng đội và cải thiện các kỹ năng hợp tác
- | Socialise/ interact with my peers
Giao tiếp với bạn đồng trang lứa
- | Learn the concept of winning and losing/ maintain a sense of competition
Hiểu khái niệm thắng thua/ duy trì ý thức thi đua

READING BOOKS

Do you like reading ?

A – Yes, I love reading

What – I normally read novels, newspapers, magazines, and textbooks.

Where & when – while I am on a coach, reading is what I usually do to kill time, and sometimes, I read books/ magazines or listen to audio books on my iphone/ iPad/ cell phone

Why – Reading, essentially, is a part of my daily life since reading can...

- | Broaden my horizon
Mở rộng tầm nhìn
- | Enrich my knowledge
Làm giàu kiến thức
- | Help me keep up with the latest news and information
Giúp cập nhật tin tức
- | Cultivate my way of thinking (independent/ critical/ creative/ analytical)
Rèn luyện tư duy
- | Enlighten my mind/ set a fire in my mind
Khai sáng trí tuệ
- | Add a bit of fun to my life
Thêm chút niềm vui cho cuộc sống

SHOPPING

Do you like reading ?

A – Yes, I love reading

What – I normally read novels, newspapers, magazines, and textbooks.

Where & when – while I am on a coach, reading is what I usually do to kill time, and sometimes, I read books/ magazines or listen to audio books on my iphone/ iPad/ cell phone

Why – Reading, essentially, is a part of my daily life since reading can...

- | Broaden my horizon
Mở rộng tầm nhìn
- | Enrich my knowledge
Làm giàu kiến thức
- | Help me keep up with the latest news and information
Giúp cập nhật tin tức
- | Cultivate my way of thinking (independent/ critical/ creative/ analytical)
Rèn luyện tư duy
- | Enlighten my mind/ set a fire in my mind
Khai sáng trí tuệ
- | Add a bit of fun to my life
Thêm chút niềm vui cho cuộc sống

TRANSPORT

What is your favourite mode of transport?

There is a variety of choices in my city, including..., and my most commonly used one is..

Từ vựng

- | Commuter người đi lại hằng ngày bằng phương tiện công cộng
- | Metro/ subway/tube tàu điện ngầm
- | Train tàu hỏa
- | Ferry phà
- | Hydrofoil tàu cánh ngầm
- | Shuttle bus xe buýt tuyến
- | Express train tàu hỏa tốc hành
- | Private jet máy bay riêng
- | Commute đi lại hằng ngày bằng phương tiện công cộng
- | Cruise/ passenger liner tàu du lịch
- | Light rail tàu hỏa hạng nhẹ
- | Double-deck bus xe buýt 2 tầng
- | Minibus xe buýt nhỏ
- | Long-haul coach xe khách đường dài
- | High-speed rail tàu cao tốc
- | Yacht du thuyền

HOLIDAY/WEEKEND

How often do you have holidays?

Well, normally, since I am still college student, there are two periods when I can have long holidays, which are the summer holiday and Lunar New Year Holiday

What will you do during holidays?

During holidays, I like to go travelling, just as many other young people. Besides, I also try to find a part-time job or an intern job. Since I am about to hunt for a job in the coming year, it is pretty necessary to enrich work experience.

Is it important to have holidays?

Đưa ra quan điểm : Yes, absolutely yes, having holidays is really necessary

Nêu lý do : mainly because holidays give us a chance to rest, and we can do whatever we want to

Nêu ví dụ : For example, we can learn new skills, travel to different places, or spend time with parents, and after the holiday, we will be revitalised and refreshed for study or work.

Nêu giả định : Without holidays, I guess we would probably be exhausted and have no time for adjustment

Kết luận : So, holidays are vital for everyone